

CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY BÌNH MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2024/CBTT-BM

TP.HCM, ngày 01 tháng 10 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH
- Mã chứng khoán: **BMG**
- Địa chỉ: 440 Nơ Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ: 028-35533358 Fax: 028-35533348
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Võ Quốc Hào – Tổng giám đốc công ty
- Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố:
Công ty cổ phần may Bình Minh công bố Quy chế công bố thông tin của công ty.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/10/2024 tại đường link website công ty: <https://bmig.com.vn>, chuyên mục Quan hệ cổ đông → Thông tin cổ đông.
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Quyết định số 42/2024/QĐ-HDQT, ngày 01/10/2024.
- Quy chế CBTT ban hành kèm theo QĐ số 42/2024/QĐ-HDQT, ngày 01/10/2024.
- Ủy quyền của Chủ tịch HĐQT.

Đại diện pháp luật công ty
TỔNG GIÁM ĐỐC


VÕ QUỐC HÀO

Số: 42/2024/QĐ-HĐQT

TP.HCM, ngày 01 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy chế Công bố thông tin
của Công ty Cổ phần May Bình Minh**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần May Bình Minh được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần may Bình Minh được ban hành theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/05/2021;
- Căn cứ giấy ủy quyền số 02/2024/UQ-HĐQT ngày 30/09/2024;
- Căn cứ tình hình thực tế tại công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần may Bình Minh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty, Kế toán trưởng, Ban Quan hệ cổ đông và các phòng chức năng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu TKHĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TV. HĐQT-TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ QUỐC HÀO

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Tp.HCM ngày ... tháng 10 năm 2024



MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2: Các chữ viết tắt	2
Điều 3: Căn cứ pháp lý	3
Điều 4: Giải thích từ ngữ	3
Điều 5: Nguyên tắc công bố thông tin	4
Điều 6: Phương tiện công bố thông tin	5
CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN	6
Điều 7: Lưu đồ thực hiện	6
Điều 8: Các nội dung CBTT	7
CHƯƠNG III: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM	7
Điều 9: Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan.....	7
Điều 10: Xử lý vi phạm về CBTT	7
Điều 11: Thẩm quyền xử lý vi phạm về CBTT	8
CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	8
Điều 12: Triển khai thực hiện	8
Điều 13: Hiệu lực thi hành.....	8
PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN	9
Phụ lục 1.1: Ban quan hệ cổ đông và Văn phòng công ty	9
Phụ lục 1.2: Phòng Tài chính Kế toán	15
PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	17
PHỤ LỤC 3: CÁC BIỂU MẪU.....	19

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN MAY BÌNH MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 42/2024/QĐ-HĐQT ngày 01/10/2024)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định các nội dung về việc công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng:

- Người công bố thông tin
- Các phòng ban liên quan gồm: Ban Quan hệ cổ đông, Văn phòng công ty, Phòng Tài chính Kế toán.
- Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

Điều 2: Các chữ viết tắt

- | | |
|-------------|---|
| - «Công ty» | : Công ty Cổ Phần May Bình Minh |
| - «UBCKNN» | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| - «IDS» | : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN. |
| - «SGDCKHN» | : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). |
| - «CIMS» | : Hệ thống công bố thông tin của SGDCKHN. |
| - «VSDC» | : Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. |
| - «TTCKVN» | : Thị trường chứng khoán Việt Nam. |
| - «CBTT» | : Công bố thông tin. |
| - «HĐQT» | : Hội đồng quản trị. |
| - «BKS» | : Ban Kiểm soát. |
| - «TGD» | : Tổng giám đốc. |
| - «KTT» | : Kế toán trưởng. |
| - «BCTC» | : Báo cáo tài chính. |
| - «CDL» | : Cổ đông lớn. |
| - «CPQ» | : Cổ phiếu quỹ. |
| - «ĐHĐCĐ» | : Đại hội đồng cổ đông. |
| - «GCNĐKKD» | : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. |
| - «CTĐC» | : Công ty đại chúng. |
| - «NY» | : Niêm yết. |

- «NNB» : Người nội bộ.
- «NCLQ» : Người có liên quan.

Điều 3: Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 450/QĐ-UBCK ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14/07/2021;
- Quy chế công bố thông tin tại SGDCK Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021;
- Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần may Bình Minh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 4: Giải thích từ ngữ

1. *Người nội bộ của Công ty* là :
 - Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người đại diện pháp luật, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm ;
 - Thư ký HĐQT công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCKHN hoặc ngày UBCKNN, SGDCKHN nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ :
 - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
 - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
5. *Bản scan văn bản dùng CBTT*: Phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.
6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT*: là dữ liệu có dạng file word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. *Người công bố thông tin*: là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
8. *Người có liên quan*¹: Là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty cổ phần May Bình Minh và người nội bộ của công ty
 - b. Công ty cổ phần May Bình Minh và tổ chức, cá nhân, sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc góp vốn của công ty.
 - c. Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát.
 - d. Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó.
 - e. Quan hệ hợp đồng trong một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.
 - f. Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.
9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*: là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

Điều 5: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCKHN về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm : Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

¹ Theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCKHN 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCKHN thực hiện công khai thông tin.

Điều 6: Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. (*)
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống CBTT của UBCKNN - IDS
3	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Hệ thống CBTT của SGDCKHN - CIMS
4	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	Trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.
5	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Báo in, Báo điện tử ...

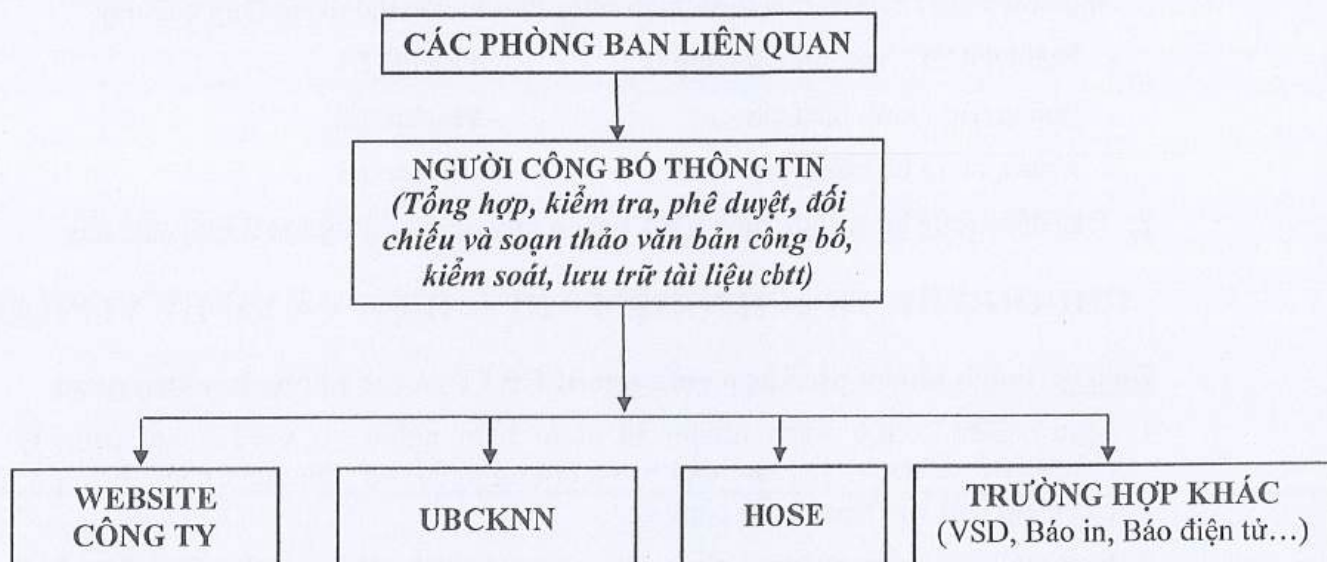
(*) *Lưu ý :*

- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- Các thông tin công bố định kỳ hay bất thường hoặc theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu 05 năm.

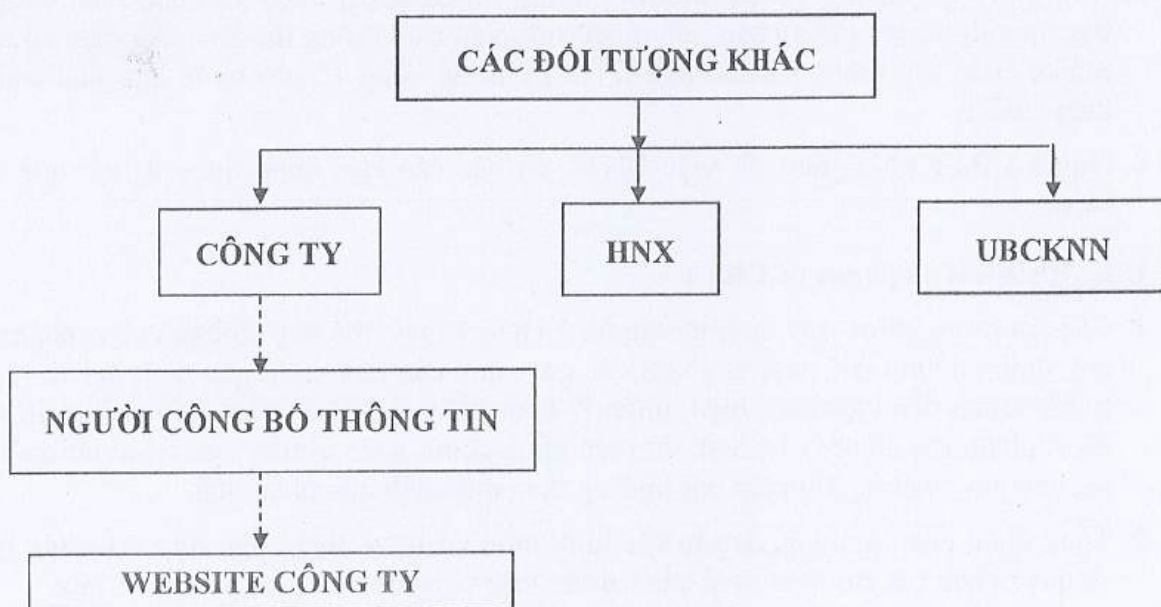
CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7: Lưu đồ thực hiện

1. Áp dụng:



2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (**)



Ghi chú:

- > : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX
- - - - -> : Người CBTT tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác, thực hiện rà soát và công bố lên Website công ty.

Điều 11: Thẩm quyền xử lý vi phạm về CBTT

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng giám đốc công ty.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12: Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

Điều 13: Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 04 chương và 13 Điều có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi Quy chế này do HĐQT quyết định./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
T.V. HĐQT-TỔNG GIÁM ĐỐC**



VÕ QUỐC HÀO

PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN
PHỤ LỤC 1.1: BAN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG - VĂN PHÒNG CÔNG TY

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
A. CÁC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ				
1	Báo cáo thường niên	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày CBTT Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
2	Báo cáo tình hình quản trị công ty bán niên	Chậm nhất 25/07 hàng năm	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm dương lịch (30/6)	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm	Chậm nhất 25/01 hàng năm	Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch (31/12)	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
B. VỀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG				
1	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn CBTT theo quy định	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty - Gửi hồ sơ đăng ký qua Tổng Cty LK&BTCK Việt Nam (VSDC)
2	Tài liệu họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn CBTT theo quy định	Chậm nhất 21 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ	
3	Biên bản họp, Nghị quyết và bộ tài liệu thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ. <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn CBTT theo quy định	Trong thời hạn 24 giờ sau khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	

30
CÔ
CÔ
N
INH
INH

C. VỀ LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

1	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Trong thời hạn CBTT theo quy định	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty - Gửi hồ sơ đăng ký qua Tổng Cty LK&BTCK Việt Nam (VSDC)
2	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.	Trong thời hạn CBTT theo quy định	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến.	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
3	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ (lấy ý kiến bằng văn bản). <i>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn CBTT theo quy định	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty

2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

1	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
2	CBTT về thay đổi nội dung, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy pháp hoạt động theo Phụ lục III – QĐ số 21/QĐ-SGDVN, gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty

3	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
4	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên công ty, con dấu của công ty	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
5	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
6	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN (IDS) - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
7	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN (IDS) - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
8	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
9	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức; Quyết định tách, gộp cổ phiếu	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty - Gửi hồ sơ đăng ký qua Tổng Cty LK&BTCK Việt Nam (VSDC)
10	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
11	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu cổ phần trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty

886
 NG T
 PHA
 AY
 MI
 T.P.V

201

	ty con, công ty liên kết hoặc bán để giám sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.			- Ngoài ra, thực hiện đăng ký theo PL IV-QĐ 21/QĐ-SGDVN
12	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan đến người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
13	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:			
	- Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- UBCKNN (IDS) - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
	- Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của công ty thông qua công ty chứng khoán; công ty chứng khoán.		CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT	- UBCKNN (IDS) - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
14	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ (<i>Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người đại diện pháp luật, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Thư ký HĐQT, người được ủy quyền công bố thông tin</i>).	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
15	Công ty nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty

16	Công ty CBTT trên hệ thống về việc thay đổi nhân sự theo Phụ lục I – QĐ 21/QĐ-SGDVN, đồng thời gửi bản cứng cho UBCKNN và SGDCKHN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục III-TT96	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN (IDS) - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
17	Trường hợp có sự thay đổi người có liên quan của người nội bộ, Công ty báo cáo cho SGDCKHN về thay đổi người có liên quan của người nội bộ theo Phụ lục II - QĐ 21/QĐ-SGDVN.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
18	Nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
19	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
20	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
21	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng đến lớn đến hoạt động SXKD hoặc tình hình quản trị của công ty.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
22	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán ở nước ngoài	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
23	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	<ul style="list-style-type: none"> - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty

3. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

1	Theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCKHN khi:			
	a) Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, khi nhận được yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN (IDS) - SGDCK HN (CIMS)

				- Website của công ty
	b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, khi nhận được yêu cầu	- UBCKNN (IDS) - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty

4. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1	Thực hiện CBTT trên website công ty, trên hệ thống SGDCKHN (IDS) đồng thời gửi hồ sơ đăng ký cho VSDC về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Ngay khi nhận được thông tin	Chậm nhất 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	
			Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	
2	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCKHN nêu rõ lý do hủy.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất không quá 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.	

5. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

1	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Ngay khi nhận được thông tin	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Ngay sau khi ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt	Theo quy định của Luật Chứng khoán hướng dẫn hoạt	

			động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam..	
--	--	--	---	--

PHỤ LỤC 1.2: PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	THỜI HẠN CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	GHI CHÚ
1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ				
1	BCTC năm đã được kiểm toán. Ghi rõ toàn văn ý kiến của kiểm toán viên nếu ý kiến không phải là chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Ngay sau khi nhận được BCTC năm được tổ chức kiểm toán ký	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức Kiểm toán ký nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
2. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG				
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại VN bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
2	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
3	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty
4	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	- SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty

5	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Ngay khi nhận được thông tin	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu năm tài chính mới.	
3. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Ngay khi nhận được thông tin	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của mình, bán cổ phiếu quỹ.	
2	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	Ngay khi nhận được thông tin	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán.	<ul style="list-style-type: none"> - UBCKNN (IDS) - SGDCK HN (CIMS) - Website của công ty

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty

- Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn; nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên có số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty, UBCKNN và SGDCKHN theo mẫu quy định tại **Phụ lục VII – Thông tư 96** kèm theo tại Phụ lục 3 Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho công ty, UBCKNN, SGDCKHN theo **Phụ lục VIII – Thông tư 96** tại Phụ lục 3 Quy chế này **trong thời hạn 05 ngày làm việc** kể từ ngày có sự thay đổi trên.

Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty. Ngày T, ông A đặt lệnh mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm tăng tỷ lệ sở hữu của Ông A lên ngưỡng 6% (vượt 1% so với sở hữu 5% trước đây), do đó, **trong vòng 5 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch chứng khoán, ông A phải CBTT và Báo cáo công ty, UBCKNN, SGDCKHN về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

- Công ty công bố trên website của công ty **trong vòng 03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan đến người nội bộ phải CBTT, báo cáo trước, và sau khi thực hiện giao dịch cho công ty, UBCKNN, SGDCKHN khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch, **tối thiểu là 03 ngày làm việc**, NNB của Công ty và NCLQ đến NNB phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCKHN về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, theo **Phụ lục XIII – Thông tư 96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

Ghi chú: NNB của công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

- Sau khi thực hiện giao dịch: **Trong thời hạn 05 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước ngày đã đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch đã đăng ký, NNB của công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo công ty, UBCKNN, SGDCKHN về kết quả giao dịch theo **Phụ lục XIV- Thông tư 96** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)

3. Ghi chú

- NNB của công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo sau khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định.
- Trường hợp công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (Công đoàn, Đoàn Thanh niên ...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện CBTT như quy định với NNB.
- Công ty công bố trên website của công ty **trong vòng 03 ngày làm việc** sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB.

PHỤ LỤC 3: CÁC BIỂU MẪU

1. Biểu mẫu Báo cáo thường niên

Phụ lục IV
Appendix IV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

No: .../BC-....

..., month... day... year...

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT Thường niên năm /Year

Kính gửi:

To:

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.:
- Vốn điều lệ/Charter capital:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital:
- Địa chỉ/Address:
- Số điện thoại/Telephone:
- Số fax/Fax:
- Website;
- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any):
- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
- Các sự kiện khác/ Other events:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business

24

or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

5. Các rủi ro/*Risks*: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp, ... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years*.

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (*List the changes in the Board of Management in the year*).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies*.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets*.

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	%tăng giảm/ % <i>change</i>
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions</i> :			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>			
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions</i> :			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset value</i>			
Doanh thu/ <i>Revenus</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			

Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ *Major financial indicators*:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/YearX-1	Năm/ Year X	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) + Vòng quay tổng tài Sản/ <i>Total asset turnover</i> : Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i>			

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)			
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bankfinancial institutions:

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm/YearX-1	Năm/ Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/Capital size			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital			
Tổng tài sản có/ Total assets			
Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results			
Doanh số huy động tiền gửi/Cash deposits			
Doanh số cho vay/ Lendings			
Doanh số thu nợ/ Debt collection			
Nợ quá hạn/Overdue debts			
Nợ khó đòi/ Bad debt			
Hệ số sử dụng vốn/Incremental Capital Output Ratio			
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/Overdue debts/ Total debt Ratio			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/Bad debt/ Total debt Ratio			
3. Khả năng thanh khoản/Solvency			
Khả năng thanh toán ngay/ Short term solvency			
Khả năng thanh toán chung/ General solvency			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/ Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ

thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.

e) Các chứng khoán khác/Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used.*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ *Number of employees, average wages of workers.*
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*
- c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*
 - Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*
 - Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Reports and assessments of the Board of Management* (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / *the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet*)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/*Improvements in organizational structure, policies, and management.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/*Development plans in future*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/*Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/*Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/ *Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ *Plans and orientations of the Board of Directors*

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).*

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ *the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/ *The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results.*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ *the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ *The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).*

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ *Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/ *Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/ không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/ *Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).
- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/ *Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/ *Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/ kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/ *Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/ *Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ *Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời

nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided).*

Nơi nhận:

Recipients:

-;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**

**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S
LEGAL REPRESENTATIVE**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)*

2. Biểu mẫu Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm

**Phụ lục V
Appendix V**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

**TÊN CÔNG TY
COMPANY'S NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: .../BC-...

No: .../BC-...

..., ngày... tháng....năm....

..., month... day....year...

**BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(6 tháng/năm)

(6 months/year)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company:

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:

- Điện thoại/Telephone:

Fax:

Email:

- Vốn điều lệ/Charter capital:

- Mã chứng khoán/Stock symbol:
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc
/General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non- executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
	Ông/Bà			

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
	Ông/Bà Mr./Ms.			

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
	Ông/Bà Mr./Ms.				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /
	Ông/ Bà Mr/Ms.			

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên Name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm Date of appointment/ dismissal

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company

ST T No.	Tên tổ chức/ cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH* ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

ST T No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relations hip with the Company</i>	Số Giấy NSH *, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * date of issue , place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Addre ss</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transacti ons with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Sharehold ers/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transact ion</i>	Ghi chú <i>Not e</i>

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transactio n executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationshi p with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Posittion at the listed Compan y</i>	Số CMND/H ộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No. /Passport No., date	Địa chỉ <i>Addres s</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiarie</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transactio n</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of</i>	Ghi chú <i>Not e</i>
-----------	---	--	---	---	--------------------------------	---	---	--	--------------------------------

				<i>of issue, place of Issue</i>		<i>s or companies which the Company control</i>		<i>transactio n</i>	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

stt No	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Addresses</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	(Tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i>)							

	Tên người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name affiliated persons</i>						
2							

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Nơi nhận:
Recipients:

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)

3. Biểu mẫu Thay đổi người nội bộ

**Phụ lục I
Appendix I**

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 2021/12/21 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

**TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL**

*(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)*

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange**

Căn cứ theo Nghị quyết HĐQT số... ngày ... và/hoặc Nghị quyết ĐHĐCĐ số... ngày ..., của Công ty... (tên tổ chức), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của Công ty... (tên tổ chức) như sau:

Based on Board Resolution No. ... dated... and/or General Mandate No. ... dated ... of ... (name of organization), we would like to announce the change in personnel of ...(name of organization) as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (*):

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/Former position in the organization:
- Chức vụ được bổ nhiệm/Newly appointed position:
- Thời hạn bổ nhiệm/Term:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Trường hợp miễn nhiệm/từ nhiệm/*In case of dismissal/resignation:*

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Không còn đảm nhận chức vụ/*Dismissed/Resigned position:*
- Lý do miễn nhiệm (nếu có)/*Reason (if any):*
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date:*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày.../.../... tại đường dẫn.../*This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link...*

Tài liệu đính kèm/*Attached documents:*

- Quyết định HĐQT/Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc thay đổi nhân sự;
Board Resolution and/or General Mandate on the change in personnel.
- Danh sách người có liên quan (Phụ lục II
- Danh sách người nội bộ và những người có liên quan)

List of related persons (Appendix II - List of insiders and their related persons).

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ
CBTT

Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(*Signature, full name, position, and seal*)

4. Biểu mẫu Thay đổi người có liên quan của người nội bộ

Phụ lục II

Appendix II

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở
Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng
khoán Việt Nam)

(*Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 2021/12/21 of the CEO of Vietnam
Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange*)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CHANGE IN RELATED PERSONS OF INSIDERS

24

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Người nội bộ/Insider

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Chức vụ hiện tại/Current position:

2. Người có liên quan/Related person:

- Ông (bà)/Mr./Ms.:
- Địa chỉ liên lạc/Address:
- Điện thoại/Tel.:
- E-mail:
- Số ID, ngày cấp/ ID number, Date of issue:
- Mối quan hệ mới phát sinh/Mối quan hệ trước đây với người nội bộ/Relationship/Former relationship with insider:
- Lý do phát sinh mối quan hệ liên quan/không còn liên quan/Reason for relationship/no longer being related:
- Số lượng cổ phiếu của cá nhân/đại diện sở hữu/ Shareholding (shares):
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/Effective date:

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Person authorized to disclose
information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

5. Biểu mẫu Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục III

Appendix III

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY
PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF
ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch
Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the
Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/GIẤY
PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG/GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION/LICENSE OF
ESTABLISHMENT AND OPERATION/LICENSE OF OPERATION**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange**

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy
phép hoạt động số ... ngày .../.../....., do (cơ quan)... cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc
thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép
hoạt động của Công ty chúng tôi như sau:

*Based on the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /
License of Operation No. ... dated .../.../... issued by ..., we would like to announce the change
in the Certificate of business registration/License of Establishment and Operation /License of
Operation as follows:*

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:
2. Thông tin sau khi thay đổi/Information after change:
3. Lý do thay đổi (nếu có)/Reason for change (if any):
4. Ngày có hiệu lực/Effective date:

5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt
động/Giấy phép hoạt động/Receipt date of new certificate of business registration/license of
establishment and operation/license of operation:

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../..... tại đường dẫn .../This information was published on the company's website on .../.../... (date), as in the link

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Giấy phép hoạt động mới
New Certificate/License

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

6. Biểu mẫu Đăng ký mô hình công ty và loại Báo cáo tài chính

Phụ lục IV
Appendix IV

THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ANNOUNCEMENT OF REGISTRATION (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE AND FINANCIAL STATEMENTS

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ (THAY ĐỔI) MÔ HÌNH CÔNG TY VÀ LOẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ANNOUNCEMENT OF REGISTRATION (CHANGE IN) CORPORATE STRUCTURE AND FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty ... (tên tổ chức) xin thông báo về việc đăng ký (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

Based on point a, clause 1 Article 10 of Circular No.96/2020/TT-BTC, we would like to make the announcement of registration (change in) corporate structure and financial statements as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization:
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:
- Địa chỉ/Address:
- Điện thoại liên hệ/Tel.: Fax:
- E-mail:
- Website:

I. Thông tin đăng ký lần đầu/trước khi thay đổi/Initial disclosed information/Information before change:

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on applicable option only):

- ☐ Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc/Having no affiliates or sub-units
- ☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units
- ☐ Có công ty con/Having affiliates
- ☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/Having affiliates and sub-units

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above):

- ☐ BCTC riêng của công ty/Uncombined/Unconsolidated Financial statements
- ☐ BCTC tổng hợp/Combined financial statements
- ☐ BCTC hợp nhất/Consolidated financial statements

II. Thông tin sau khi thay đổi (chỉ áp dụng khi thay đổi mô hình và loại BCTC)/Information after change (Applicable to change of corporate structure and financial statements only)

1. Mô hình công ty (chỉ đánh dấu loại hình phù hợp)/Corporate structure (tick on applicable option only):

- ☐ Không có công ty con và đơn vị kế toán trực thuộc /Having no affiliates or sub-units
- ☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc/Having sub-units
- ☐ Có công ty con/Having affiliates
- ☐ Có đơn vị kế toán trực thuộc và công ty con/Having affiliates and sub-units

2. Loại BCTC công bố thông tin (chỉ đánh dấu các loại BCTC đăng ký công bố thông tin theo quy định tương ứng với loại hình nêu tại khoản 1 mục này)/*Financial statements to be disclosed (tick on the financial statements relevant to the type of business chosen above)*:

☐ BCTC riêng của công ty/*Uncombined/Unconsolidated financial statements*

☐ BCTC tổng hợp/*Combined financial statements*

☐ BCTC hợp nhất/*Consolidated financial statements*

3. Lý do thay đổi/*Reason for change*:

4. Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến việc thay đổi thông tin đã đăng ký.
Documents on the changes in the registered information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

7. Biểu mẫu Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành

Phụ lục V
Appendix V

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
CHANGE IN NUMBER OF SHARES WITH VOTING RIGHTS

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(*Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange*)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT
CHANGE IN NUMBER OF SHARES WITH VOTING RIGHTS

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở
Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange**

- Tên tổ chức/*Name of organization:*
- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:*
- Địa chỉ/*Address:*
- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* Fax:
- E-mail:
- Website:

STT <i>No.</i>	Nội dung <i>Contents</i>	Trước khi thay đổi <i>Before change</i>	Thay đổi <i>Change</i>	Sau khi thay đổi <i>After change</i>	Lý do thay đổi <i>Reason for change</i>
1	Vốn điều lệ (VNĐ) <i>Charter capital (VND)</i>				
2	Tổng số cổ phiếu <i>Total number of shares</i>				
3	Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Number of treasury shares</i>				
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết <i>Number of shares with voting rights</i>				
5	Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) <i>Others (if any)</i>				

**Tài liệu đính kèm/Attached
documents:**

- Giấy Chứng nhận đăng ký chứng
khoán thay đổi/các tài liệu khác có liên
quan
- *Securities Registration Certificate on
the change/Other related documents*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ
CBTT

*Legal representative/ Person authorized to
disclose information;*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

8. Biểu mẫu Công bố thông tin bất thường

Phụ lục VI
Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-SGDVN ngày ... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. .../QĐ-SGDVN on ... of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

TÊN TỔ CHỨC
ORGANIZATION NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: .../...
No.: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...
..., day ... month ... year ...

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization:

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code:

- Địa chỉ/Address:

- Điện thoại liên hệ/Tel.:

Fax:

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

.....
...

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../.../..... tại đường dẫn .../This information was published on the company's website on .../.../..... (date), as in the link

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/
Documents on disclosed information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)

9. Biểu mẫu Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn

Phụ lục VII

Appendix VII

BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS OR INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND CERTIFICATES

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/ FULL NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số:BC-....

No:BC-....

..., ngày... tháng... năm...

..., month ... day ... year ...

BÁO CÁO

Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng

REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS, INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND CERTIFICATES

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of The public company/The fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/*Information on individual/organization:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư /*Name of individual/ organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact Address/ address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* Fax: Email: Website:.....

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated persons/ organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated persons:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/ organisations:*

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/ *Ownership percentage of shares:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above:* Tại công ty chứng khoán/*At the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates:*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap):*

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund certificates:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction:

Nơi nhận:

Recipients:

- ...;

- Lưu: VT, ...

- Archived: ...

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ORGANIZATION/INDIVIDUAL AUTHORIZED TO
REPORT AND DISCLOSE INFORMATION
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)
(Signature, full name and seal - if any)

10. Biểu mẫu Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn sở hữu 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết khi thay đổi số lượng qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết

Phụ lục VIII
Appendix VIII

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ
TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS
HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số:/BC-....

No:/BC-....

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day year

BÁO CÁO

Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng
chỉ quỹ đóng

REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS
HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng
khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund
management company,

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/Information on individual/investor

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/*Name of individual/orgamsation*
 - Quốc tịch/*Nationality*:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue*:
 - Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*:
 - Điện thoại: Fax: Email: Website:
2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/*Affiliated person of individual/organisation (currently holding the same types of shares/fund certificates)*:
- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/*Full name of affiliated individual/organisation*:
 - Quốc tịch/*Nationality*:
 - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue*:
 - Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position in the public company/fund management company (if any)*:
 - Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/organization*:
3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name of shares/fund certificates/ code of securities owned*:
4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with shares at above-mentioned 3 point*: Tại công ty chứng khoán/*in the securities company*:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction*:
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1 %)/ *Number of shares/fund certificates bought/sold/transferred/received the transfer/swaped (making the ownership percentage change over the threshold of one percent (1%)*:
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held after the transaction*:
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number and ownership percentage of shares/close-ended fund certificates currently held by the affiliated person*:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held affiliated persons after the transaction*:
10. Lý do thay đổi sở hữu/*Reasons for ownership change*:
11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ *Trading day changes the ownership percentage*:
12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any)*:

Nơi nhận:

Recipients:

-;

- Lưu: VT, ...

- Archived:

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal - if any)

11. Biểu mẫu Thông báo giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

**Phụ lục XIII
Appendix XIII**

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ
BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED
WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL
PERSON**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)

**TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: /BC-....

No: /BC-....

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day year

THÔNG BÁO

**Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người
có liên quan của người nội bộ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED
WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL
PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng
khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund
management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/Information on individual/organisation
conducting the transaction:

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/Name of individual/organisation:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/ *Telephone:* Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/ *Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/ *Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*

- Quốc *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ *Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/ *Securities code:*

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Underlying securities code (for covered warrants):*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3 / *Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above:* tại công ty chứng khoán/*In the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:*

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */*Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants *;*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/*Number of*

shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:*

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/*The expected value of transaction (which calculated based on par value).*

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ *Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants):*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction:*

9. Mục đích thực hiện giao dịch/*Purpose of transaction:*

10. Phương thức giao dịch/*Method of transaction:*

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/*Expected trading time:* từ ngày/*from....* đến ngày/ *to*

* *Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice:*

Nơi nhận:

Recipients:

-;

- Lưu: VT,...

- Archived:.

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)

12. Biểu mẫu Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

**Phụ lục XV
Appendix XV**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN
CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED
PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of
Finance)*

TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN
COMPANY'S NAME/NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số:BC-....

..., ngày... tháng... năm....

No:BC-....

..., month ... day year

BÁO CÁO

Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND
CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED
PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán;
- Tên Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange;
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao (*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ *Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* Fax: Email: Website:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có/ *position at the public company, the fund management company on the registration date (if any):* và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ: (nêu rõ lý do)/*and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason):*

*: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/*This item is only for cases in which the person subject to registration, after the trading*

registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company.

2. Thông tin về người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng)/Information on the internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation conducting transaction (in case the person who conduct transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/Name of internal person:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/Telephone: Fax: Email:

- Chức vụ tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code:

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/Underlying securities code (in case of covered warrants):

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants as mentioned at item 3: tại công ty chứng khoán/In securities company:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered warrants):

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng /Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented /donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading*:

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/*Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be present/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap)*.

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/*Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inher it/transfer/be transferred/swap)*:

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ *Number of shares/fund certificates/covered warrants traded*:

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/*the value of executed transaction (calculated based on par value)*:

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ *Value of covered warrants traded (at the latest issuing price)*:

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction*:

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person*:

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm */*Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants **:

11. Phương thức giao dịch/ *Method of transaction*:

12. Thời gian thực hiện giao dịch/ *Trading time*: từ ngày/*from*..... đến ngày/*to*.....

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed)*:

*: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/*Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results*:

Nơi nhận:

Recipients:

-;

- Lưu: VT, ...

- Archived:...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC
ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
REPORTING**

**ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

(Signature, full name and seal -if any)

13. Biểu mẫu Thông báo ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

(Ban hành kèm theo Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán)

Mẫu 07/THQ

TÊN TCPH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v

..., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền.....)

Kính gửi: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Tên Tổ chức phát hành:

Tên giao dịch:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Chúng tôi thông báo đến Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng khoán sau:

Tên chứng khoán: *(ghi rõ Cổ phiếu/Trái phiếu doanh nghiệp/chứng chỉ quỹ Công ty...)*

Mã chứng khoán:

Loại chứng khoán: - Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết/hoàn lại/cổ tức...

-

(ghi rõ các trường hợp ưu đãi nếu có phát hành)

Mệnh giá giao dịch:

Sàn giao dịch: *(ghi rõ HOSE, HNX, UPCOM, chỉ ĐKCK tại VSDC...)*

Ngày đăng ký cuối cùng: *(ghi rõ ngày đăng ký cuối cùng phải là ngày làm việc)*

1. Lý do và mục đích *(ghi rõ những nội dung thực hiện)*

- Thực hiện /tham dự đại hội đồng cổ đông/ đại hội nhà đầu tư/hội nghị người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp, lấy ý kiến cổ đông/nhà đầu tư/người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp bằng văn bản;

- Thanh toán lãi, vốn gốc Công cụ nợ/trái phiếu doanh nghiệp/Chi trả cổ tức, lợi tức bằng tiền/Tạm ứng cổ tức, lợi tức bằng tiền;

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu, trả lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

- Mua chứng khoán;

- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi;

- Hoán đổi cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp ;

- Mua lại trái phiếu doanh nghiệp trước hạn của TCPH;

- Thanh toán tiền cho cổ đông khi doanh nghiệp giải thể hoặc thanh toán tiền cho người sở hữu chứng chỉ quỹ khi đóng quỹ;

- Thực hiện hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông hiện hữu để giảm vốn điều lệ;

- Thực hiện mua lại cổ phiếu/trái phiếu doanh nghiệp của cổ đông hiện hữu

- TCPH là công ty đại chúng sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu;

2. Nội dung cụ thể (ghi rõ những nội dung thực hiện)

a. Thực hiện lấy ý kiến cổ đông/nhà đầu tư/người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp bằng văn bản/tham dự đại hội đồng cổ đông/đại hội nhà đầu tư/hội nghị người sở hữu trái phiếu doanh nghiệp

- Tỷ lệ thực hiện:

* Đối với cổ phiếu:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi biểu quyết: 1 cổ phiếu -quyền biểu quyết

* Đối với chứng chỉ quỹ: 1 chứng chỉ quỹ - 1 quyền biểu quyết

* Đối với trái phiếu doanh nghiệp: 1 trái phiếu - 1 quyền biểu quyết

- Thời gian thực hiện:.....

- Địa điểm thực hiện:.....

- Nội dung họp/lấy ý kiến:.....

b. Thanh toán lãi, vốn gốc /Công cụ nợ/Trái phiếu doanh nghiệp/Chi trả cổ tức, lợi tức bằng tiền/Tạm ứng cổ tức, lợi tức bằng tiền/TCPH thực hiện hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông hiện hữu để giảm vốn điều lệ

- Tỷ lệ thực hiện: % (1 cổ phần được nhận đồng)

+ Đối với cổ phiếu:%/cổ phiếu (01cổ phiếu được nhận đồng)

(Trường hợp có loại cổ phiếu ưu đãi cổ tức thì phải ghi rõ tỷ lệ chi trả của từng loại cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi cổ tức)

+ Đối với chứng chỉ quỹ/trái phiếu doanh nghiệp:%/chứng chỉ quỹ/trái phiếu (01 chứng chỉ quỹ/trái phiếu được nhận đồng)

- Ngày thanh toán: (Ghi rõ ngày thanh toán cổ tức và ngày thanh toán cổ tức này phải là ngày làm việc)

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức /lợi tức/lãi, gốc trái phiếu doanh nghiệp tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức /lợi tức/lãi, gốc trái phiếu doanh nghiệp tại (vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...) bắt đầu từ ngày(ngày này phải trùng với ngày thanh toán nêu trên) và xuất trình chứng minh nhân dân.

c. Trả cổ tức bằng cổ phiếu, trả lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, nhận cổ phiếu phát hành do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, TCPH thực hiện mua lại cổ phiếu của cổ đông hiện hữu; TCPH sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu:

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: (Người sở hữucổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới/được bán lạicổ phiếu)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữucổ phiếu được nhận....cổ phiếu mới/được bán lạicổ phiếu)

+ Đối với chứng chỉ quỹ:(Người sở hữuchứng chỉ quỹ được nhận....chứng chỉ quỹ mới))

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu/chứng chỉ quỹ lẻ (nếu có):

- Ví dụ: (ghi rõ một ví dụ cụ thể trong đó có cả xử lý phần lẻ)

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/lợi tức bằng chứng chỉ quỹ/bán lại cổ phiếu cho TCPH/nhận cổ phiếu được chia từ cổ phiếu quỹ tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu/nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/lợi tức bằng chứng chỉ quỹ/bán lại cổ phiếu cho TCPH/nhận cổ phiếu được chia từ cổ phiếu quỹ tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

d. Thực hiện quyền mua cổ phiếu

- Số lượng chứng khoán dự kiến phát hành:

- Giá phát hành:

- Tỷ lệ thực hiện: (... cổ phiếu được hưởng ... quyền, quyền được mua..... cổ phiếu mới).

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết (nếu có):

- Ví dụ: (đưa ví dụ cụ thể)
- Quy định về chuyển nhượng quyền mua:
 - + Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày.....đến ngày.....
 - + Quyền mua được chuyển nhượng.... lần
- Quy định về chứng khoán đặt mua:
 - + Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày.....đến ngày.....

+ Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng/hạn chế chuyển nhượng....

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại.....

- Thông tin về tài khoản phong toả đặt mua chứng khoán:

+ Tên chủ tài khoản:.....

+ Số TK:

+ Nơi mở TK:.....

đ. Thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi

- Tỷ lệ chuyển đổi: (01 trái phiếu được chuyển đổi thànhcổ phiếu).

- Phương án làm tròn, phương án xử lý trái phiếu không chuyển đổi hết hoặc phần lẻ (nếu có):

- Ví dụ: (đưa ví dụ cụ thể)

- Thời gian đăng ký chuyển đổi: Từ ngày.....đến ngày.....

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển đổi trái phiếu tại.....

e. Hoán đổi cổ phiếu/trái phiếu doanh nghiệp

- Tỷ lệ hoán đổi:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: (Người sở hữucổ phiếu... được nhận....cổ phiếu...)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữucổ phiếu... được nhận....cổ phiếu ...)

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có):
- Ví dụ: *(đưa ví dụ cụ thể)*
- Đối với chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch:
- + Ngày hủy niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán:
- + Ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch chứng khoán:
- + Bắt đầu từ ngày..... cổ phiếu..... (mã chứng khoán) không còn giá trị giao dịch mua bán và chuyển nhượng trên thị trường.

- Địa điểm thực hiện:
- + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.
- + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục hoán đổi cổ phiếu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

g. Thanh toán tiền cho cổ đông khi doanh nghiệp giải thể

- Tỷ lệ thực hiện:
- + Đối với cổ phiếu phổ thông:%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận đồng)
- + Đối với cổ phiếu ưu đãi:%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận đồng)
- Ngày thanh toán: *(Ghi rõ ngày thanh toán tiền cho cổ đông và ngày thanh toán tiền cho cổ đông phải là ngày làm việc)*
- Địa điểm thực hiện:
- + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.
- + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại *(vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...)* bắt đầu từ ngày*(ngày này phải trùng với ngày thanh toán nêu trên)* và xuất trình chứng minh nhân dân.

Công ty chúng tôi cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, các chi phí giải thể doanh nghiệp theo quy định và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu khiếu kiện phát sinh do chưa thanh toán các khoản nợ và chi phí giải thể công ty theo quy định

h. Thanh toán tiền cho người sở hữu chứng chỉ quỹ khi đóng quỹ

- Tỷ lệ thực hiện:%/chứng chỉ quỹ (01 chứng chỉ quỹ được nhận đồng)
- Thời gian thực hiện: *(Ghi rõ ngày thanh toán tiền cho nhà đầu tư và ngày thanh toán tiền cho nhà đầu tư phải là 01 ngày làm việc)*
- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận tiền tại (vào các ngày làm việc trong tuần hoặc vào các ngày trong tuần...) từ ngày(ngày này phải trùng với thời gian thực hiện nêu trên) và xuất trình chứng minh nhân dân.

Công ty chúng tôi cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ và các chi phí đóng quỹ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu khiếu kiện phát sinh do chưa thanh toán các khoản nợ và chi phí khi đóng quỹ theo quy định

i. Thực hiện hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông hiện hữu để giảm vốn điều lệ:

- Tỷ lệ thực hiện:

+ Đối với cổ phiếu phổ thông: (Người sở hữucổ phiếu bị hủy....cổ phiếu)

+ Đối với cổ phiếu ưu đãi:..... (Người sở hữucổ phiếu bị hủycổ phiếu)

+ Đối với chứng chỉ quỹ:(Người sở hữuchứng chỉ quỹ bị hủy....chứng chỉ quỹ)

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu/chứng chỉ quỹ lẻ (nếu có):

- Ví dụ: (ghi rõ một ví dụ cụ thể trong đó có cả xử lý phần lẻ)

- Hình thức hoàn trả:

- Điều kiện hoàn trả:

- Mức hoàn trả:

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục xác nhận giảm số lượng cổ phiếu sở hữu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: người sở hữu làm thủ tục xác nhận giảm số lượng cổ phiếu sở hữu tại..... và xuất trình chứng minh nhân dân.

k. Mua lại cổ phiếu/Trái phiếu doanh nghiệp

- Số lượng chứng khoán tổ chức phát hành dự kiến mua:

- Tỷ lệ thực hiện: Số chứng khoán mua lại/số chứng khoán sở hữu của nhà đầu tư:

- Giá mua lại mỗi cổ phiếu/trái phiếu: đồng/cổ phiếu/trái phiếu

- Ngày thanh toán tiền mua lại:

- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu TCPH không mua hết(đối với cổ phiếu)

- Ví dụ
- Thời gian đăng ký bán lại cổ phiếu/trái phiếu cho TCPH: từ ngày.....
đến ngày

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục bán lại cổ phiếu/trái phiếu tại các Thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký.

+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục bán lại cổ phiếu/trái phiếu tạibắt đầu từ ngày.....và xuất trình chứng minh nhân dân.

Đề nghị VSDC lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng):.....

- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: *(Ghi rõ địa chỉ email của TCPH trong trường hợp TCPH muốn VSDC gửi file dữ liệu Danh sách người sở hữu chứng khoán)*

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSDC. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCK...;
- Lưu...

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CHỦ TỊCH HĐQT/NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP
LUẬT**

(chữ ký, họ tên, đóng dấu)

*** Tài liệu đính kèm**

Ghi rõ tên các tài liệu phải gửi kèm Thông báo được quy định tại Điều 10 Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán (nếu có) và lưu ý phải đóng dấu giáp lai đầy đủ các tài liệu đính kèm

~.....

~.....

